

Số: 547 /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng Công ty điện lực-TKV về việc Tam giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ giấy đề nghị cấp vật tư số 01-T3 ngày 27/3/2026 của Phòng TCHC;

Căn cứ thư mời khảo sát, báo giá số 422/TMBG-ĐN5 ngày 30/3/2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ thông báo số 466/TB-ĐN5 ngày 06/4/2026 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc gia hạn thời gian nộp báo giá;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán ngày 17/4/2026 của Tổ thẩm định về việc Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026;

Theo đề nghị của Tổ tư vấn ngày 15/4/2026 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026.

Xét đề nghị của Tổ tư vấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026 với nội dung như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026;

2. Giá trị dự toán: **327.446.000đồng** (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.

3. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2026.

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Mục b Khoản 2, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý II năm 2026

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm giao hàng: Trụ sở Văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV, địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Nội dung yêu cầu của gói cung cấp chi tiết như phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ tư vấn, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng TCHC thực hiện nghiệm thu của nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; điều 4;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website TCT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, (D02).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định Số 547/QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên công việc	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
1	Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026	303.190.741	24.255.259	327.446.000	Phụ lục 1.1
	Tổng cộng	303.190.741	24.255.259	327.446.000	

(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

PHỤ LỤC 1.1. BẢNG DỰ TOÁN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT
Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026
(Kèm theo Quyết định Số 547 /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Quần tây Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	77	828.704	63.810.185	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
2	Áo vest Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	23	4.143.519	95.300.926	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
3	Áo sơ mi Nam dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	57	794.444	45.283.333	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
4	Áo sơ mi Nam ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	20	766.667	15.333.333	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
5	Áo sơ mi Nữ dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	20	766.667	15.333.333	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
6	Áo sơ mi Nữ ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	15	738.889	11.083.333	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
7	Quần tây Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	20	569.444	11.388.889	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
8	Váy	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	15	512.963	7.694.444	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
9	Áo vest Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	20	1.898.148	37.962.963	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
Tổng cộng tiền chưa bao gồm thuế							303.190.741	
Thuế VAT 8%							24.255.259	
Tổng cộng tiền đã bao gồm thuế							327.446.000	

(Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định Số /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 4 năm 2026)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp hàng hóa

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Mục 3: Các yêu cầu về thương mại

Mục 4: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong HS đề xuất

Mục 5: Nội dung HS đề xuất

Mục 6: Thời hạn hiệu lực của HS đề xuất

Mục 7: Nộp, tiếp nhận, mở HS đề xuất

Mục 8: Làm rõ HS đề xuất

Mục 9: Đánh giá HS đề xuất

Mục 10: Quyết định lực chọn Nhà cung cấp

Mục 11: Hợp đồng

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA CUNG CẤP

Chương III. BIỂU MẪU

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp

Tên gói cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026.

- 1.Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026;
2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- 3.Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
4. Địa điểm giao hàng: Trụ sở Văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
5. Phạm vi cung cấp: Chi tiết như Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có bảng chào giá dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Có ít nhất 01 hợp đồng tương tự về cung cấp trang phục quần áo với giá trị bằng 70% giá trị gói cung cấp (229.210.200đồng);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.
- 3.Nhà cung cấp chào toàn bộ các danh mục hàng hóa theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 02 đính kèm.
- 4.Địa điểm giao hàng: Trụ sở Văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- 5.Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp hàng hóa;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 2026**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 2026**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được

tiên hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

(Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm)

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

(Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật)

3.Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp hàng hóa;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Thời hạn cung cấp hàng hóa;
- Đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III
- Biểu mẫu.

(Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về giá)

4.Đánh giá về giá:

- Xác định giá gói cung cấp thấp nhất theo các bước sau:
 - + Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).
 - + Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng.
- Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có giá gói thấp nhất và không vượt giá gói cung cấp được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 1.Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu và có giá gói thấp nhất;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

1. Tên gói cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp hàng hóa

Nội dung công việc và khối lượng thực hiện theo bảng danh mục sau:

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Quần tây Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	Cái	77	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
2	Áo vest Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	Cái	23	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
3	Áo sơ mi Nam dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	Cái	57	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
4	Áo sơ mi Nam ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	Cái	20	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
5	Áo sơ mi Nữ dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	Cái	20	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
6	Áo sơ mi Nữ ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	Cái	15	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
7	Quần tây Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	Cái	20	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
8	Váy	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	Cái	15	Trang phục được lấy theo số đo của từng người
9	Áo vest Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	Cái	20	Trang phục được lấy theo số đo của từng người

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU**ĐƠN CHÀO GIÁ**

Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*

Tên gói cung cấp: *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu góimà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp *[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp hàng hóa đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA GÓI CUNG CẤP**Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026**

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói cung cấp: [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Nhà sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Quần tây Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S		Cái	77			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
2	Áo vest Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S		Cái	23			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
3	Áo sơ mi Nam dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P		Cái	57			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
4	Áo sơ mi Nam ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P		Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
5	Áo sơ mi Nữ dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P		Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
6	Áo sơ mi Nữ ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P		Cái	15			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
7	Quần tây Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S		Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
8	Váy	AP # 952, 77%T-17%R-6%S		Cái	15			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
9	Áo vest Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S		Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
Tổng cộng tiền chưa bao gồm thuế								
Thuế VAT 8%								
Tổng cộng tiền đã bao gồm thuế								

(Bảng chữ:.....)

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:

2. Tiến độ thực hiện cung cấp hàng hóa:

3. Thanh toán:

4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

*Mẫu số 04***BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP***Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]**Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục cung cấp hàng hóa được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2026/HĐSXKD- ĐN5

Về việc Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026

Căn cứ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 27/6/2005;

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV năm 2026;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2026 giữa Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV và

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2026 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp trang phục quần áo CBCNV Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV năm 2026;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay ngày tháng năm 2026, tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Chúng tôi gồm có:

Bên A (Bên mua): Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKVĐại diện là ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 02633976888

Fax: 02633974888.

Tài khoản: 1020831973, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Mã số thuế: 0104297034-007

BÊN B: (Bên bán):

Đại diện: Ông : Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện Thoại :

Tài khoản số:

Mã số thuế :

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc Cung cấp hàng hóa, chi tiết như Phụ lục kèm theo Hợp đồng.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Quyết định phê duyệt DT & KHLCNCC;
2. Quyết định phê duyệt KQLCNCC;
3. Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu khi hàng hóa của Bên B cung cấp không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B:

+ Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

+ Chậm tiến độ hoàn thành việc thực hiện cung cấp hàng hóa.

+ Giao cho Nhà thầu phụ trên 30% giá trị hợp đồng.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho Nhà cung cấp trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.

- Bên A cam kết nghiệm thu, thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng khi Bên B hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hàng hóa, kèm theo các tài liệu cần thiết cho Bên A, đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, quy cách, nhãn mác hàng hóa. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải đảm bảo là hàng mới 100% chưa qua sử dụng.

- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo đúng thời gian theo hợp đồng.

- Bên B phải phối hợp cùng với Bên A kiểm tra hàng hóa và lập biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

- Bên B lập hồ sơ thanh toán theo mẫu Bên A quy định.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: đồng (Bằng chữ:). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí liên quan. Chi tiết phụ lục 1 đính kèm). Hàng hóa được vận chuyển, bốc xếp và giao tại Trụ sở Văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên A nhận được 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

c) Số lần thanh toán:

- Tạm ứng: Bên B không tạm ứng nhưng vẫn đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng.

- Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ 05 bộ các giấy tờ sau:

- + Đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán
- + Biên bản giao nhận và nghiệm thu hàng hóa.
- + Hóa đơn theo qui định của Bộ Tài chính.
- + Hợp đồng bản photo.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

d. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

e. Điều chỉnh thuế: Được phép điều chỉnh thuế trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian cung cấp bị kéo dài hơn 60 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian cung cấp theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại **Điều 15** của hợp đồng này.

- Địa điểm, thời gian cung cấp hàng hóa: Trụ sở Văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10 đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Chi tiết như phụ lục đính kèm;

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục hàng hóa ngoài phạm vi hợp đồng Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải cung cấp các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Điều kiện cung cấp, vận chuyển hàng hóa

Bên B cung cấp hàng hóa cho Bên A đúng thông số kỹ thuật, phải là hàng mới 100 %, chưa qua sử dụng.

- Các tài liệu kỹ thuật, các chứng từ kèm theo hàng hóa: Tại thời điểm giao nhận hàng hóa thì bên B phải tiến hành cung cấp cùng thời điểm giao hàng (hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn kỹ thuật...).

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Sau khi kiểm tra hàng hóa tại thời điểm giao nhận, nếu trường hợp hàng hóa bị khuyết tật, bị lỗi, hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

Điều 12. Bảo hành. Không áp dụng

Điều 14. Bản quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi 02 ngày chậm (kể từ ngày thứ nhất sau ngày hết hạn hợp đồng). Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần, tổng số ngày chậm không quá 4 ngày, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán quá 10 ngày làm

việc theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B 02% số tiền trễ hạn cho mỗi ngày chậm thanh toán (kể từ ngày chậm thanh toán thứ 08), nhưng không quá 08% giá trị cho khoản tiền vi phạm.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thương: Không áp dụng.

Điều 16. Bất khả kháng.

“Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Nhà Cung cấp hàng hóa theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại **Điều 17** của hợp đồng này.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi lưu trú Bên khởi kiện. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu hoàn toàn.

Điều 18. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, thanh toán, trách nhiệm theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ tự thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 07 bản, Bên A giữ 05 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B
GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1
(Kèm theo hợp đồng số/2026/HĐSXKD-ĐN5)

STT	Tên hàng hóa	Danh điểm, quy cách hàng hóa	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Quần tây Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	77			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
2	Áo vest Nam	AP # 882, 66%T – 31%R-3%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	23			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
3	Áo sơ mi Nam dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	57			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
4	Áo sơ mi Nam ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
5	Áo sơ mi Nữ dài tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
6	Áo sơ mi Nữ ngắn tay	AP # 3333, 50%B-50%P	An Phước/ Việt Nam	Cái	15			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
7	Quần tây Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
8	Váy	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	15			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
9	Áo vest Nữ	AP # 952, 77%T-17%R-6%S	An Phước/ Việt Nam	Cái	20			Trang phục được lấy theo số đo của từng người
Tổng cộng tiền chưa bao gồm thuế								
Thuế VAT 8%								
Tổng cộng tiền đã bao gồm thuế								

(Số tiền bằng chữ:)